

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TR
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TR, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Tuất.

Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1982.

Trú tại: Tổ 17, khu tái định cư ấp Bắc Hòa, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978.

Trú tại: Tổ 17, khu tái định cư ấp Bắc Hòa, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp tính nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Nguyễn Văn Th thường hay ăn nhậu, chửi bới vợ con làm ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng. Nay bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Huyền T, sinh ngày 11/9/2008. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tạm thời, không yêu cầu ông Nguyễn Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

* **Bị đơn ông Nguyễn Văn Th:** Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

* **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr:**

- **Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:** Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về việc giải quyết vụ án:**

Nhận thấy: Quá trình giải quyết Tòa án đã thu thập các tài liệu chứng cứ thể hiện bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn Th chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình sống chung của vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, hai bên không gặp mặt để hòa giải đoàn tụ. Đối với ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng ông Th không đến làm việc theo quy định, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông Th đã đến mức trầm trọng, ông Th không muốn tiếp tục hàn gắn, duy trì hôn nhân với bà H vì vậy việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Th là có cơ sở.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Huyền T, sinh ngày 11/9/2008. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tạm thời, bà H không yêu cầu ông Nguyễn Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, hiện nay các con đang ở chung với bà H. Cháu Trang và cháu Thư đều có nguyện vọng sống với bà H vì vậy giao cháu Nguyễn Huyền Tr và cháu Nguyễn Trương Huyền T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H trình bày tạm thời bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung, ông Th không có ý kiến nên tạm thời ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì những lẽ trên:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, bà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th;

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Huyền T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết, do chưa lấy được lời khai của ông Th nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trương Thị H khởi kiện ly hôn đối với ông Nguyễn Văn Th, có địa chỉ cư trú tại: Tổ 17, khu tái định cư ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay ông Nguyễn Văn Th đang cư trú tại địa chỉ: Tổ 17, khu tái định cư ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tr có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Văn Th để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Th vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân huyện Tr để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn Th kết hôn vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28 tháng 5 năm 2004 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Trương Thị H trình bày sau khi kết hôn bà và ông Nguyễn Văn Th chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Ông Nguyễn Văn Th tuy đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nhưng ông Th không đến Tòa án làm việc, hòa giải theo quy định, không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ giữa hai vợ chồng. Như vậy, ông Th đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ kiện, cũng cho thấy ông Th không quan tâm đến việc bà H xin ly hôn.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Tr: Đại diện Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn Th quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn Th đều không báo địa phương biết. Về điều kiện nuôi con của các đương sự thì không nắm được.

Xét mâu thuẫn giữa bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn Th đã xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cho bà Trương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

[4] Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Huyền T, sinh ngày 11/9/2008. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tạm thời, bà H không yêu cầu ông Nguyễn Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại bản tự khai cháu Nguyễn Huyền Tr và cháu Nguyễn Trương Huyền T có nguyện vọng sống với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao con chung cháu Nguyễn Huyền Tr và cháu Nguyễn Trương Huyền T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H trình bày tạm thời bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn ông Nguyễn Văn Th không có lời khai nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H đối với ông Nguyễn Văn Th về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 03/11/2006 và cháu Nguyễn Trương Huyền T, sinh ngày 11/9/2008 cho bà Trương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Nguyễn Văn Th không có lời khai nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị H khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Nguyễn Văn Th không có lời khai nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Trương Thị H theo biên lai thu số 0002519 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Trương Thị H đã nộp đủ án phí.

Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuyền

